

Số: /QĐ-SKHCN

Quảng Ngãi, ngày tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2025 của Sở Khoa học và Công nghệ

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Chương trình công tác trọng tâm Quý III năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2025 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Căn cứ Chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2025 của Sở Khoa học và Công nghệ, Trưởng các phòng, đơn vị trực thuộc có trách nhiệm triển khai thực hiện nhằm hoàn thành tốt chương trình, kế hoạch năm 2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/cáo);
- TT Tỉnh ủy, TTHĐND tỉnh (b/cáo);
- UBND tỉnh (b/cáo);
- Các Sở, ban ngành trong tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VP_{PTHN}.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tấn Liêm

CHƯƠNG TRÌNH

Công tác 6 tháng cuối năm 2025 của Sở Khoa học và Công nghệ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCHN ngày /9/2025
của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi)

A. Nội dung nhiệm vụ và thời gian thực hiện

I. Nội dung chỉ đạo thực hiện xuyên suốt 6 tháng cuối năm 2025

1. Tham mưu triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và các Nghị quyết của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi.

2. Triển khai thực hiện các nghị quyết, kết luận của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; các nghị quyết của HĐND tỉnh tại các kỳ họp chuyên đề, thường kỳ giữa năm và cuối năm; bám sát Chương trình công tác các hướng dẫn và chỉ đạo của Bộ Khoa học và Công nghệ, các chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và Chương trình công tác của UBND tỉnh. Tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 đã được giao tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 15/07/2025 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế-xã hội 6 tháng cuối năm 2025.

3. Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc Quy hoạch tổng thể Quốc gia; Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 816/QĐ-BTTTT ngày 18/05/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông Việt Nam giai đoạn 2024-2025.

4. Tham mưu triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án: (1) Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025; (2) Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới; (3) Chương trình chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học - công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi đến 2030; (4) Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030; (5) Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp

nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; (6) Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn 2021 -2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; (7) Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh; (8) Đề án “Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 - 2025”; (9) Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2025¹.

5. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, phân đấu giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn đầu tư công, gắn với đảm bảo chất lượng và hiệu quả sử dụng vốn. Tập trung thẩm định, tham gia góp ý có chất lượng, đảm bảo tiến độ đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

6. Theo dõi, đốc thúc và kiểm tra về triển khai về chuyển đổi số, Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh, Kiến trúc ICT đô thị thông minh. Triển khai, khai thác và sử dụng an toàn, hiệu quả các các hệ thống thông tin, CSDL và nền tảng số. Tiếp tục mở rộng, nâng cao chất lượng mạng viễn thông; rà soát, từng bước xóa vùng lồi lõm sóng thông tin di động, đẩy mạnh phủ sóng 5G trên địa bàn tỉnh. Tham gia triển khai hệ thống thông tin, dữ liệu, trao đổi thông tin kinh tế, xã hội giữa các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, vùng động lực miền Trung; các chương trình triển khai chuyển đổi số tại vùng.

7. Vận dụng những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo; nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KHCN, áp dụng các tiêu chuẩn tiên tiến để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các doanh nghiệp và sản phẩm của tỉnh. Tham mưu, tổ chức thực hiện kế hoạch hợp tác với các tỉnh, thành phố và các Trường Đại học.

8. Tăng cường công tác cải cách hành chính, nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính (Par Index), hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chuyển đổi số (DTI), đổi mới sáng tạo (PII). Triển khai thực hiện hiệu quả các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; đồng hành, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp. Tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Kết luận số 09-KL/BCĐ ngày 24/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; xây dựng Đề án vị trí việc làm; thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

¹ Các Quyết định số: 476/QĐ-UBND ngày 21/3/2021, 981/QĐ-UBND ngày 26/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ); Kế hoạch số 4485/KH-UBND ngày 03/12/2020 của UBND tỉnh Kon Tum (cũ).

9. Triển khai thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021, số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

10. Tăng cường công tác kiểm tra; thực hiện đúng quy định về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; kiểm soát tài sản thu nhập theo quy định của pháp luật.

(Phân công thực hiện theo Phụ lục I đính kèm)

II. Nội dung nhiệm vụ cụ thể trong 6 tháng cuối năm 2025

(Phụ lục II kèm theo Quyết định này)

B. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở được phân công chỉ đạo Trưởng các phòng, đơn vị trực thuộc Sở có liên quan được giao nhiệm vụ chủ động triển khai thực hiện Chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2025.

2. Căn cứ nhiệm vụ, thời gian được giao tại Quyết định này, Trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm xây dựng chương trình công tác của phòng, đơn vị mình để triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ và chất lượng. Trong quá trình triển khai thực hiện, Trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở phải báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao tại buổi họp giao ban hàng tháng, các cuộc họp đột xuất, đồng thời đánh giá những khó khăn vướng mắc phát sinh và đề xuất giải pháp khắc phục.

3. Kết quả thực hiện Chương trình công tác này là một trong các cơ sở, tiêu chí quan trọng để xem xét, đánh giá phân loại công chức, viên chức, tập thể phòng, đơn vị thuộc Sở trong năm 2025.

PHỤ LỤC I.

Nhiệm vụ thực hiện xuyên suốt

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCN ngày /9/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Nhiệm vụ	Phòng/Đơn vị chủ trì	Phòng/Đơn vị phối hợp	Ghi chú
1.	(1) Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Kế hoạch hoành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi và Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh); (2) Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 02/10/2024 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị và Quyết định số 709/QĐ-TTg ngày 23/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; (3) Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025; (4) Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023	Phòng QLKH&ĐMST	- Các phòng, đơn vị liên quan; - Các Phòng: BCVT&CDS; QLCN&CN; TCĐLCL chủ động tham mưu theo chức năng, nhiệm vụ được giao đối với nội dung (1), (2), (9).	

	của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới; (5) Tổ chức Chương trình Ươm tạo doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi năm 2025; (6) Triển khai, thực hiện Kế hoạch hợp tác đã ký kết của UBND tỉnh với các đơn vị, các Trường, Viện Nghiên cứu trong và ngoài nước về Thỏa thuận hợp tác về đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ (tỉnh Nghệ An, Hàn Quốc, ĐH Quốc gia Hà Nội, Đại học Đà Nẵng, Trường ĐH Tôn Đức Thắng, Trường Đại học Tây Nguyên,...); (7) Hợp tác với Trung tâm ươm tạo khởi nghiệp Sông Hàn để thúc đẩy các dự án khởi nghiệp sáng tạo về ẩm thực và du lịch; (8) Biên bản ghi nhớ với Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp tỉnh về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (9) Đề án “Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 - 2025”; (10) Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ.			
2.	(1) Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; (2) Nghị quyết về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Nghị quyết số: 13-NQ/TU ngày	Phòng BCVT&CĐS	Các phòng, đơn vị liên quan	

	06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi khóa XX; 09-NQ/TU ngày 18/2/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kon Tum); (3) Kế hoạch Chuyển đổi số; Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi, phiên bản 3.0, hướng tới Chính quyền số; Kiến trúc ICT đô thị thông minh; (4) Theo dõi, vận hành an toàn, ổn định hệ thống thông tin: Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; Phần mềm Lưu trữ điện tử; Kho dữ liệu số; CSDL Chuyên ngành cấp huyện; App Công chức, App Công dân; Hệ thống HNTH tỉnh; Phần mềm đánh giá chuyển đổi số cho các CQNN tỉnh Quảng Ngãi; Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung; Cổng dữ liệu mở tỉnh; Phần mềm Quản lý nhiệm vụ... (5) Tổ chức thực hiện các Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển KTXH vùng dân tộc thiểu số và miền núi; (6) Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông; (7) Cập nhật kịp thời TTHC theo Quyết định của UBND tỉnh; Rà soát, khắc phục lỗi (nếu có) trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; triển khai kết nối, tích hợp với các hệ thống thông tin theo yêu cầu; (8) Đảm bảo tiến độ giải ngân vốn đầu tư công theo chỉ tiêu kế hoạch.			
3.	(1) Chương trình chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học - công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi đến 2030; (2) Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng	Phòng QLCN&CN	Các phòng, đơn vị có liên quan	

	Ngãi đến năm 2030; (3) Quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý "Ngọc Linh" cho sản phẩm sâm củ của tỉnh và Kế hoạch tăng cường công tác quản lý chất lượng sâm Ngọc Linh trên địa bàn tỉnh; (4) Thỏa thuận hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh vùng Duyên hải Trung bộ.			
4.	(1) Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Chương trình năng suất chất lượng); (2) Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn 2021 -2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; (3) Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh; (4) Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 19/6/2025 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030.	Phòng QLTCĐLCL	Các phòng, đơn vị có liên quan	
5.	(1) Phần đầu thực hiện hoàn thành chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 được UBND tỉnh giao; (2) Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày 18/9/2024 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 09/7/2024 của Chính phủ và Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 08/01/2024 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 45-	Các phòng, đơn vị theo từng nội dung; Văn Phòng Sở tham mưu chung	Các phòng, đơn vị có liên quan	

	NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.			
6.	Thực hiện công tác cải cách hành chính, nâng cao các chỉ số; sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; giải quyết khiếu nại, tố cáo. Thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị có liên quan	
7.	Tổ chức thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công đảm bảo chất lượng, hiệu quả.	Các đơn vị sự nghiệp	Văn Phòng Sở; Các phòng, đơn vị có liên quan	
8.	(1) Quản lý, vận hành Trung tâm dữ liệu tỉnh, đảm bảo an toàn thông tin mạng cho Trung tâm dữ liệu tỉnh; Vận hành hệ thống Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Quảng Ngãi và hệ thống thông tin dùng chung cài đặt tại Trung tâm dữ liệu tỉnh; Đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin cài đặt vận hành tại Trung tâm dữ liệu; (2) Tiếp tục thực hiện công tác quản lý, vận hành hệ thống Trung tâm điều hành thông minh tỉnh (Trung tâm IOC); tiếp tục tham mưu triển khai IOC theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ; (3) Thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số được giao từ nguồn kinh phí chuyển đổi số; (4) Hướng dẫn, hỗ trợ ứng dụng chữ ký số cho các cơ quan, đơn vị; (5) Thực hiện nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền trên các nền tảng	Trung tâm CDS&ĐMST	Các phòng, đơn vị có liên quan	

	số (Các bản tin: cải cách hành chính, chuyển đổi số, KH&CN. Tuyên truyền trên Fanpage, Zalo, trang TTĐT Sở, chuyên trang chuyển đổi số tỉnh); (6) Thực hiện nhiệm vụ đầu mối thông tin KH&CN: Thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Báo cáo thống kê KH&CN của địa phương; (7) Triển khai thực hiện các đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở đã được Hội đồng tuyển chọn phê duyệt.			
--	---	--	--	--

Chú thích:

- Phòng Quản lý Khoa học và Đổi mới sáng tạo: Phòng QLKH&ĐMST
- Phòng Quản lý Công nghệ và Chuyên ngành: Phòng QLCN&CN
- Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: Phòng QLTCĐLCL
- Phòng Bưu chính - Viễn thông và Chuyển đổi số: Phòng BCVT&CĐS
- Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo: Trung tâm CĐS&ĐMST
- Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: Trung tâm KTTTCĐLCL
- Trung tâm Ứng dụng khoa học công nghệ: Trung tâm UDKHCN